TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **57**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2023
V/v tranh chấp ”ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

Bà Đặng Thị Tiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trân Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1977;
Địa chỉ: số 305/30, khu phố 2, phường A1, thị xã A2, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh B, sinh năm 1977;
Địa chỉ: số 305/30, khu phố 2, phường A1, thị xã A2, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh B do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C1, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 156 ngày 13/10/2006. Chị và anh B chung sống hạnh phúc với nhau thời gian đầu đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nguyên nhân do anh B thường hay đánh đập chị vì lý do anh B ghen tuông, việc anh B đánh đập chị thì chị không có báo chính quyền giải quyết, chị cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Chị và anh B đã ly thân và cắt đứt

quan hệ vợ chồng cách đây khoảng giữa năm 2022 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh B, vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn, nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc.

Về con chung: có 02 con chung tên D, sinh ngày 14/5/1997 và Đ, sinh ngày 01/10/2008. Hiện cháu D đã thành niên và có khả năng lao động được nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ; chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng quy định, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật nên không có ý kiến gì.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận: yêu cầu xin ly hôn của chị A cho chị A được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Giao cháu Đ, sinh ngày 01/10/2008 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A chưa có yêu cầu.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh B vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, nuôi con", bị đơn anh B có hộ khẩu thường trú tại số 305/30, khu phố 2, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị A và anh B tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C1, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 156 ngày 13/10/2006. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nguyên nhân do anh B thường hay đánh đập chị vì lý do anh B ghen tuông. Chị và anh B đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ giữa năm 2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đoàn tụ lại sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh B để thông báo về yêu cầu ly hôn của chị A, nhưng anh B không có ý kiến gì; không có mặt tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, anh B không thể hiện được ý kiến, cũng không đưa ra biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh B không đến trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án là anh B đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã động viên nhưng chị A vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh B, chị A xác định hiện chị không còn tình cảm với anh B. Từ những tình tiết trên, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: có 02 con chung tên D, sinh ngày 14/5/1997 và Đ, sinh ngày 01/10/2008. Khi ly hôn đối với cháu D đã thành niên và có khả năng lao động nên chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị A yêu cầu nuôi dưỡng cháu Đ, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét, sau khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay thì anh B cũng không đến để trình bày ý kiến của anh về con chung nên coi như anh B đã từ bỏ quyền của mình đối với yêu cầu về nuôi dưỡng con chung. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu Đ và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ, nên giao cháu Đ cho chị A chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị A xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh B không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị A xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh B không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí*:* Buộc chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Giao cháu Đ, sinh ngày 01/10/2008 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A chưa có yêu cầu.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu số 0018364 ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị A đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Thoa

Lê Thị Kim Thoa